

Hoàng Diệu

Gia thế - Gia phong

Hoàng Diệu (1829-1882) tên chữ là Kim Tích, tự Quang Viễn, hiệu Tỉnh Trai, sinh ngày 10-2 năm Kỷ Sửu (tức ngày 5-3-1829) tại làng Xuân Đài, nay thuộc xã Điện Quang, vùng Gò Nổi, Điện Bàn. Ông là một trong các nhà khoa bảng yêu nước ở quê hương đất Quảng.

Theo gia phả họ Hoàng, làng Xuân Đài vốn gốc từ làng Huệ Trù (nay trong xã Lộc Trù, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương). Ông tổ đời thứ nhất di cư vào Quảng Nam, thời gian đầu ở làng Đông Bàn, sau một trận lụt lớn đưa gia đình định cư ở làng Xuân Đài. Quá trình ấy đến thế hệ Hoàng Diệu đã trải qua 7 đời. Hiện nay, tại nhà thờ họ Hoàng ở Xuân Đài còn giữ câu đối:

Hải đạo Huệ Trù chi hương, bản căn thâm cố
Nam châu Xuân Đài thử địa, dịch diệp hi long.

Lời diễn nôm của Hoàng Diệu:

Huệ Trù xứ vốn là cõi Bắc, do tổ tiên cội gốc vững bền
Xuân Đài châu nay thuộc miền Nam, truyền con cháu
giống dòng hưng thịnh.

Gia đình xuất thân nhà nông và theo nho học. Ông thân sinh là Hoàng Văn Cự làm hương chức, qua đời năm 54 tuổi. Bà thân mẫu Phạm Thị Khuê thọ 88 tuổi, tần tảo làm ruộng và chăn tằm, nuôi dạy con cái. Gia đình có 11 người con, 8 trai, 3 gái. Lớn lên và được học hành, 6 người đỗ đạt: một phó bảng, 3 cử nhân và 2 tú tài. Khoa thi hương tại Thừa Thiên năm 1848, Hoàng Kim Giám, 23 tuổi và Hoàng Kim Tích, tức Hoàng Diệu, 20 tuổi cùng đỗ cử nhân (1). Bấy giờ, chánh chủ khảo - Tham tri bộ binh Hoàng Tế Mỹ và phó chủ khảo - biện lý bộ lễ Phan Huy Thực thấy trong văn bài của hai anh em có những điểm giống nhau nên ngỡ vực. Được tâu trình, Tự Đức cho tổ chức phúc hạch riêng hai anh em, mỗi người ngồi

một phòng ở tả vu và hữu vu điện Cần Chánh... Sau khi xét duyệt, Tự Đức ngự phê: "Văn hành công khí, quý đặc chân tài, huynh đệ đồng khoa, thành vi mỹ sự" - nghĩa là: Sự hành văn là việc chung, cốt để chọn chân tài, anh em đỗ đồng khoa là việc tốt đẹp.

Hoàng Kim Giám không ra làm quan, qua đời năm 34 tuổi.

Hoàng Diệu, 25 tuổi thi đình (1853) đỗ phó bảng.

Một nhân cách cao đẹp

Gần xa trong tỉnh, anh em Hoàng Diệu nổi tiếng hiếu học và học giỏi.

Tài liệu của gia tộc còn chép lại câu đối trước đây dán trước bàn học của Hoàng Diệu:

Hoành Cừ giáo nhân học: mạc tiên nghĩa lợi chi biên

Âu Dương đối khách chí: thường tại sơn thủy chi gian.

Nghĩa là:

Hoành Cừ dạy người cầu học: phải trước tiên phân biệt nghĩa trọng lợi khinh.

Âu Dương tiếp khách đến chơi: thường nhân hạ luận bàn sơn thanh thủy tú.

(Diễn nôm của thi sĩ Thái Can).

Trên các bước đường làm quan, theo Đại Nam chính biên liệt truyện, Hoàng Diệu "tính tình cương trực, thanh liêm, lâm sự quyết đoán, có phong độ bậc đại thần".

Về phần mình, trong khi bận ba với công việc, Hoàng Diệu luôn giữ nếp nhà. Theo tục thời ấy, vừa nhận chức hàn lâm viện kiểm thảo (giúp việc trưởng biên tập, biên duyệt sách có quan hệ đến triều đại", Hoàng Diệu xin về chịu tang cha (1854) cho đến mãn tang. Cuối năm 1879, trước khi đi trấn nhiệm tổng đốc Hà Ninh, Hoàng Diệu được về thăm mẹ già đã 80 tuổi. Vào dịp ấy, Tự Đức ban thưởng sâm, quế, lụa và bạc, Hoàng Diệu dâng biểu tạ ơn, có câu: "Thần bận việc nước nên chưa dám lo việc nhà. Xin hết lòng làm việc có lợi cho nước..." (dịch nghĩa).

Hoàng Diệu đảm nhận các trọng trách, cha mẹ và vợ chánh thất được vinh phong các tước hiệu, nhưng gia đình ở làng sống rất dân dã. Khi tin Hoàng Diệu tuần tiết được báo về làng, bà vợ đang làm ở ngoài đồng đã ngắt xiu bên bờ ruộng.

Sau thời hạn mãn tang cha, Hoàng Diệu được bổ làm tri phủ ở Tuy

Phước, Bình Định. Do nha lại làm lẫn án từ, ông bị giáng chức làm tri huyện Hương Trà, Thừa Thiên. Năm 1864, xảy ra vụ nổi dậy của Hồng Tập, con hoàng thân Miên áo, em chú bác của Hồng Nhậm tức vua Tự Đức, cùng với một số người khác. Bại lộ, Hồng Tập và Nguyễn Văn Viện bị án chém. Hoàng Diệu đến nhậm chức tri huyện Hương Trà thay Tôn Thất Thanh bị đổi đi nơi khác, bấy giờ có mặt trong lúc hành quyết đã nghe Hồng Tập nói: "Vì tức giận về hòa nghị mà bị tội, xin chớ ghép vào tội phản nghịch". Sau đó các quan Phan Huy Kiệm, Trần Gia Huệ và Biện Vĩnh tâu lên Tự Đức, đề nghị nhà vua nên theo gương Hán Minh Đế, thẩm tra lại vụ án. Tự Đức phán là vụ án đã được đình thần thẩm xét kỹ, nay nghe Phan Huy Kiệm nói Hoàng Diệu đã kể lại lời trăng trối của Hồng Tập, bèn quyết định giáng chức Phan Huy Kiệm, Trần Gia Huệ, Biện Vĩnh và Hoàng Diệu (theo Đại Nam thực lục chính biên, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974).

Tháng 9 năm Giáp Tý (1864), Đặng Huy Trứ đang là Bố chánh Quảng Nam, trong một bản sớ tiến cử người hiền tài trình lên Tự Đức đã viết: "...Ông Nguyễn Quýnh, nguyên Bố chánh Khánh Hòa, người trong hạt của thần, ông Hoàng Diệu, nguyên chi phủ Hương Trà và ông Phan Thanh Nhã, cả ba người này đều cử nhân, phó bảng xuất thân, đều là người cương trực, mẫn cán từng kinh qua địa phương, phủ, huyện cai trị không nhiều dân, tuy mắc lỗi lầm chưa khôi phục, nhưng khi ở địa phương hoặc phủ huyện đều được sở dân tin yêu, khi ra đi mọi người đều nhớ. Những người như vậy không có nhiều. Nếu họ được nhà vua bỏ qua lỗi lầm mà đem dùng thì ở một huyện, họ là tri huyện hiền tài, ở phủ có thể là tri phủ tốt, ở tỉnh có thể giữ chức quan trọng, nghĩ rằng không nên vì một chi tiết mà để một số người suốt đời mai một. Huống chi lúc này, nước nhà đang gặp nhiều việc, lại có người không có việc thì thật là uổng phí, triều đình đã mất nhiều năm đào tạo, dạy bảo mới được những người như thế. Trong số này, ông Nguyễn Quýnh có thể đảm nhận được chức bố chánh, án sát một tỉnh lớn. Các ông Hoàng Diệu, Phan Thanh Nhã có thể đảm đương chức tri huyện, tri phủ một nơi quan yếu còn khuyết..."

Ngày 20 cùng tháng, Bộ Lại nhận lời châu phê: "... Nguyễn Quýnh lãnh ngay chức chi phủ, Hoàng Diệu và Phan Thanh Nhã được

phục ngay chức tri huyện".

Qua duyên tri ngộ này, năm 1871, Hoàng Diệu với chức trách khâm phái quân vụ, đã cùng Đặng Huy Trứ đi dẹp phi ở biên giới (trích Đặng Huy Trứ, con người và tác phẩm do Đặng Huy Côn chủ biên, nhóm Trà Lĩnh xuất bản năm 1990).

Năm 1874, trong khi giữ chức tham tri Bộ Lại, kiêm quản Đô sát viện và sung cơ mật đại thần, Hoàng Diệu lại bị giáng hai cấp lưu.

Năm 1878, ở Quảng Nam xảy ra nạn lụt rất lớn gọi là "nạn lụt bất quá" vì dân chúng cho là "bất quá nước tràn đến sân là cùng", ít đề phòng... Nhưng rồi nước tràn về rất mạnh, cuốn trôi nhiều nhà cửa thóc lúa và súc vật, một số người chết trôi, đồng ruộng nhiều nơi ngập úng, hư hại. Tiếp đó, nhiều phủ huyện lâm vào cảnh bệnh tật, chết đói, trộm cướp, dân chúng phải ăn củ chuối trừ bữa.

Tiếp được biểu chương của quan địa phương, Tự Đức quyết định xuất tiền gạo công quỹ để chẩn tế và tìm người giao phó trách nhiệm.

Theo đề nghị của Hoàng Diệu, và biết ông là người chính trực, am hiểu dân tình, phong tục đất Quảng, Tự Đức trao cho ông chức khâm sai đại thần cầm cờ tiết và quyền "tiện nghi hành sự", lo việc chẩn tế an dân, dẹp trừ trộm cướp.

Đi sát tìm hiểu dân tình, sử dụng quyền hành thận trọng, Hoàng Diệu sớm hoàn thành trọng trách, ổn định lại tình hình.

Hồi ấy ở làng Giáo ái có một cường hào tên là Hương Phi, lợi dụng tình hình nhiễu nhương, tổ chức một bọn tay chân chuyên đi cướp bóc dân lành. Bị khống chế, bà con trong vùng sợ báo thù, không dám tố giác với cửa quan. Hoàng Diệu được tin liền mở cuộc điều tra, nắm bắt các bằng chứng xác thực, rồi bàn với quan tỉnh gọi Hương Phi đến xét hỏi. Theo chủ trương của Hoàng Diệu, nhiều nạn nhân gửi đơn tới tỉnh đường tố cáo tội ác của tên gian tế. Hoàng Diệu cho niêm yết tội trạng của Hương Phi và lên án trầm quyết. Dân chúng yên tâm, tin tưởng, và bọn cướp không dám hoành hành nữa.

Cũng trong thời gian ấy, Hoàng Diệu phát giác tại các địa phương trong tỉnh có một người đồ cử nhân khoa Bính Tý (1876) vì đã nhờ người khác làm bài, và hai người mang danh "tú tài" nhưng không có thực học. Cả ba đều bị truất bằng và phạt tội (theo Thực lục của

Cao Xuân Dục, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976). Thêm nữa, hai "ông tú tài", nhân nạn đói, chuyên mua rẻ bán đắt, vợ vét để làm giàu nên dân chúng càng oán ghét. Hoàng Diệu tìm hiểu chu đáo, trực tiếp gặp họ như những nhân sĩ trong vùng, qua đó thẩm tra học vấn. Được tấu trình, vua Tự Đức cho tổ chức sát hạch riêng những người ấy để có quyết định xử lý một cách danh chính ngôn thuận.

Một năm lưu lại làm việc ở tỉnh nhà, Hoàng Diệu nổi tiếng là một người tài trí và quang minh chính trực.

Sự nghiệp trên đất bắc

Phục chức sau vụ "tây oan" Hồng Tập, Hoàng Diệu lần đầu ra bắc năm 1868, làm tri phủ Đa Phúc, rồi tri phủ Lạng Giang (Bắc Giang), án sát Nam Định, bố chánh Bắc Ninh.

Trong chín năm ấy, ông lập nhiều quân công, dẹp trộm cướp và an dân. ở đâu ông cũng được sĩ dân quý mến.

ở Quảng Nam ra Huế, năm 1878, Hoàng Diệu nhận chức tổng đốc An Tĩnh (Nghệ An - Hà Tĩnh), nhưng vì nguyên tổng đốc Nguyễn Chính vẫn lưu nhiệm nên ông ở lại Huế, làm tham tri Bộ Lại (Thực lục của Cao Xuân Dục).

Năm 1879, ông được cử làm phó sứ, cùng với chánh sứ là thượng thư Bộ Lễ Đỗ Độ hội bàn với sứ thần Tây Ban Nha về một hiệp ước giao thương. Tiếp đó, ông được thăng thượng thư Bộ Binh.

Đầu năm 1880, Hoàng Diệu nhận chức tổng đốc Hà Ninh (1) kiêm trông coi công việc thương chánh.

Biết rõ dã tâm xâm lược của thực dân Pháp lúc bấy giờ, Hoàng Diệu bắt tay ngay vào việc chuẩn bị chiến đấu, kinh lý, biên phòng. Như Đại Nam chính biên liệt truyện nêu, tổng đốc Hà Ninh đã "cùng với tổng đốc tỉnh Sơn Tây Nguyễn Hữu Độ dâng sớ nói về việc bố phòng, lại cùng với Nguyễn Đình Nhuận mật tâu về chước phòng vị sẵn". Vua (Tự Đức) khen. "Nhưng sau đó - như trong di biểu nêu - vua lại trách cứ lưu binh... vì sợ giặc"... "ché ngự không đúng cách" (?)

Một mặt khác, Hoàng Diệu quan tâm ổn định đời sống của dân chúng trong công bằng và trật tự. Ngày nay, ở Ô Quan Chưởng, đầu phố Hàng Chiếu, còn áp ở mặt tường cổng ra vào một phần tấm bia Lệnh cấm trừ tệ (Thân cấm khu tệ), niên yết năm 1881,

của tổng đốc Hà Ninh Hoàng Diệu và tuần phủ Hà Nội Hoàng Hữu Xứng, nhằm ngăn chặn các tệ những nhiều đối với nhân dân trong các dịp ma chay, cưới xin cũng như nạn vò tiền, cướp bóc trên sông và ở các chợ, kèm theo các quy định cụ thể cần thi hành đến nơi đến chốn. Một di tích quý hiếm nói lên tấm lòng ưu ái của người công bộc mãi mãi còn giá trị của nó.

Hoàng Diệu sống và làm việc ở Hà Nội non ba năm; bên mình hàng ngày chỉ có hai người tùy tùng. Một người con trai ra thăm cha, ông bảo con trở về sớm.

Sau những ngày chiến đấu quyết liệt, gian lao, thành mất vào tay quân giặc và Hoàng Diệu tuần tiết tại Võ Miếu ngày 25-4-1882 (tức ngày 8 tháng 3 năm Nhâm Ngọ). Người Hà Nội vô cùng đau đớn. Ngay hôm sau, nhiều người họp lại, sắm sửa mền nệm tử tế, rước quan tài của Hoàng Diệu từ trong thành ra, tổ chức khâm liệm và mai táng tại khu vườn Dinh Đốc học (nay là địa điểm khách sạn Royal Star ở đường Trần Quý Cáp cạnh chợ Ngô Sĩ Liên, sau ga Hà Nội).

Hơn một tháng sau hai người con trai ông ra Hà Nội lo liệu đưa thi hài thân sinh về an táng ở quê quán vào mùa thu năm ấy.

Khu lăng mộ Hoàng Diệu, theo quyết định ngày 25-1-1994 của Bộ Văn hóa Thông tin, được công nhận là một di tích lịch sử - văn hóa của nước nhà.

Sau lần trùng tu thứ nhất năm 1982, ngày 3 tháng 4 năm 1998, công cuộc trùng tu lần thứ hai khu lăng mộ đã hoàn thành. Khang trang và khiêm tốn giữa một vùng đồng quê văn vật, trên diện tích khuôn viên khoảng 1.600 mét vuông, công trình này mãi mãi tồn tại trong lòng dân đất Quảng và cả nước, phù hợp với phong cách Hoàng Diệu và thỏa lòng ngưỡng mộ, ước mong của mọi người.